

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 265/BC-CP

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO

**Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15
ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện
Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng
Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV⁽¹⁾**

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV (sau đây gọi là Kết luận số 19-KL/TW) và Đề án số 292-ĐA/ĐĐQH15 ngày 20/10/2021 của Đảng đoàn Quốc hội (sau đây gọi là Đề án số 292-ĐA/ĐĐQH15) về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án số 292-ĐA/ĐĐQH15 về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV (sau đây gọi là Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15), Chính phủ báo cáo kết quả triển khai thực hiện như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Triển khai Kết luận số 19-KL/TW, Đề án số 292-ĐA/ĐĐQH15 và Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15, ngày 16/12/2021 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch thực hiện (kèm theo Quyết định số 2114/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ), trong đó đã phân công rõ nhiệm vụ, giao trách nhiệm cụ thể cho các bộ, ngành chủ trì, phối hợp thực hiện rà soát các nhiệm vụ lập pháp theo Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15, đảm bảo chất lượng, tiến độ; triển khai đồng bộ các biện pháp, giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả của công tác xây dựng pháp luật.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng đã chỉ đạo tập trung công tác triển khai thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 và Quyết định số 2114/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ đã kịp thời xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện⁽²⁾.

⁽¹⁾ Kết quả nghiên cứu, rà soát các nhiệm vụ phải hoàn thành trước ngày 30/6/2022.

⁽²⁾ Quyết định số 2314/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải; Quyết định số 148/QĐ-BTTTT ngày 27/01/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Quyết định số 10717/QĐ-BCA-V03 ngày

Trong phạm vi nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Văn phòng Chính phủ theo dõi, đôn đốc việc thực hiện. Bên cạnh việc gửi văn bản trực tiếp cho các đồng chí Bộ trưởng để đôn đốc thực hiện⁽³⁾, Bộ Tư pháp đã chủ trì tổ chức các cuộc họp hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện và tổ chức các hội nghị, hội thảo đánh giá kết quả rà soát, nghiên cứu⁽⁴⁾.

Đối với các nhiệm vụ cần hoàn thành trước ngày 30/6/2022, Chính phủ đã hoàn thành 32/32 nhiệm vụ, cụ thể: (i) 14 nhiệm vụ đã hoàn thành việc rà soát, nghiên cứu và lập đề nghị xây dựng các dự án luật, dự thảo nghị quyết để đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 - 2024; (ii) 14 nhiệm vụ đã hoàn thành việc rà soát, nghiên cứu và đang được Chính phủ giao các bộ, cơ quan nghiên cứu lập đề nghị xây dựng các dự án luật để đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 - 2025; (iii) 04 nhiệm vụ Chính phủ đã hoàn thành việc rà soát, nhưng đề xuất chưa sửa đổi, bổ sung các dự án luật trong giai đoạn hiện nay (*xin xem Phụ lục I kèm theo Báo cáo này*).

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, RÀ SOÁT VÀ NGHIÊN CỨU, XÂY DỰNG MỚI ĐỐI VỚI CÁC NHIỆM VỤ LẬP PHÁP ĐƯỢC GIAO CHỦ TRÌ THỰC HIỆN

Theo Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15, Chính phủ được giao 32/32 nhiệm vụ phải hoàn thành trước ngày 30/6/2022, trong đó có 28 nhiệm vụ rà soát, nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh hiện hành và 04 nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng luật, pháp lệnh mới. Kết quả thực hiện cụ thể như sau (*kết quả cụ thể xin xem Phụ lục II kèm theo Báo cáo này*):

1. Kết quả rà soát, nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh hiện hành

Đối với 28 nhiệm vụ rà soát, nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh hiện hành, Chính phủ đã giao các bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi chung là bộ) rà soát, nghiên cứu và đã hoàn thành đối với 28 nhiệm vụ này. Trong đó, có 12/28 nhiệm vụ hoàn thành việc rà soát, nghiên cứu và đã lập đề nghị xây dựng 13 luật, nghị quyết để trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 và 2023 (*gồm: (1) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân; (2) Luật Đường bộ; (3) Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ; (4) Luật Lưu trữ (sửa đổi); (5) Luật Đấu thầu (sửa đổi); (6)*

16/12/2021 của Bộ Công an; Quyết định số 587/QĐ-BTP ngày 15/4/2022 của Bộ Tư pháp; Quyết định số 173/QĐ-BTC ngày 18/02/2022 của Bộ Tài chính;...

⁽³⁾ Các Công văn số: 132/BTP-VĐCXDP ngày 13/01/2022, 1149/BTP-VĐCXDP ngày 13/4/2022, 1173/BTP-VĐCXDP ngày 14/4/2022, 1676/BTP-VĐCXDP ngày 25/5/2022, 1976/BTP-VĐCXDP ngày 15/6/2022 đôn đốc công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật.

⁽⁴⁾ Ngày 24/5/2021, Bộ Tư pháp đã tổ chức cuộc họp với các bộ, cơ quan ngang bộ để đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ khẩn trương triển khai thực hiện Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và ban hành văn bản quy định chi tiết.

Luật Hợp tác xã (sửa đổi); (7) Luật Phòng, chống rửa tiền (sửa đổi); (8) Luật Giá (sửa đổi); (9) Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi); (10) Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi); (11) Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (sửa đổi); (12) Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1222/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; (13) Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị).

Đối với 16/28 nhiệm vụ còn lại, Chính phủ chỉ đạo và các bộ đã hoàn thành việc rà soát, nghiên cứu theo yêu cầu của Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15. Kết quả đề xuất, kiến nghị như sau:

1.1. Có 12/16 dự án được đề nghị sửa đổi, bổ sung các luật hiện hành

a) Luật Phòng, chống mua bán người

Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 29/3/2011, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2012. Sau 09 năm thi hành cho thấy hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về cơ bản đã được ban hành đầy đủ tạo cơ sở pháp lý quan trọng để tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống mua bán người, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội và phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh những thuận lợi và kết quả đạt được thì các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về phòng, chống mua bán người hầu hết được ban hành đã 5 - 6 năm, nhiều quy định không còn phù hợp với tình hình, điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay như: quy định định nghĩa về “buôn bán người”; quy định về việc xác định nạn nhân; về chế độ hỗ trợ nạn nhân, việc thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân;...

Trên cơ sở kết quả rà soát, nghiên cứu (*cụ thể xin xem Phụ lục II*), Chính phủ đề xuất xây dựng Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi) và dự kiến đề nghị đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024) và thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 11/2024).

b) Luật Căn cước công dân

Luật Căn cước công dân năm 2014 được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 20/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016. Qua 06 năm tổ chức triển khai thực hiện cho thấy, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân, Công an các cấp đã triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quy định của Luật. Việc triển khai thực hiện Luật Căn cước công dân đã đảm bảo được yêu cầu quản lý nhà nước về căn cước công dân trong tình hình mới, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội ở các cấp, hỗ trợ đặc lực trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, giữ gìn an ninh, trật tự. Tuy

nhiên, qua 06 năm triển khai thi hành, bên cạnh những kết quả đạt được, Luật Căn cước công dân năm 2014 đã bộc lộ một số vướng mắc, bất cập.

Trên cơ sở kết quả rà soát, nghiên cứu (*cụ thể xin xem Phụ lục II*), Chính phủ đề xuất xây dựng Luật Căn cước công dân (sửa đổi) và dự kiến đề nghị bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, trình Quốc hội khóa XV xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023) và xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023).

c) Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt

Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2008 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2009 và đã được sửa đổi, bổ sung 4 lần (Luật số 70/2014/QH13, Luật số 71/2014/QH13, Luật số 106/2016/QH13, Luật số 03/2022/QH15) để giải quyết phát sinh vướng mắc, phù hợp cam kết hội nhập. Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, cùng với những nội dung được sửa đổi, bổ sung thời gian qua đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt kinh tế - xã hội và đạt được các mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, trong giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội hiện nay và thời gian tới, chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt hiện hành vẫn còn những hạn chế nhất định cần tiếp tục được hoàn thiện về đối tượng chịu thuế; thuế suất đối với một số hàng hoá; quy định hoàn trả thuế đối với số thuế tiêu thụ đặc biệt...

Chính phủ nhận thấy cần sửa đổi Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt nhằm tiếp tục tạo thuận lợi cho người nộp thuế, đồng thời mở rộng cơ sở thuế (mở rộng đối tượng chịu thuế, áp dụng bổ sung phương thức thuế tiêu thụ đặc biệt tuyệt đối) và đặc biệt là đề xuất tăng thuế suất theo chủ trương của Đảng, Nhà nước về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững. Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn ra trên thế giới và trong nước từ năm 2020 đến nay, tác động tiêu cực đến hầu như tất cả các ngành nghề và lĩnh vực, Quốc hội, Chính phủ đã phải ban hành nhiều chính sách để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân, thực hiện an sinh xã hội (xin xem tại Phụ lục kèm theo). Bên cạnh đó, Nghị quyết số 43/2022/NQ-CP ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội, đã xác định “xây dựng phương án tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với một số mặt hàng cần hạn chế tiêu dùng để kịp thời áp dụng trong thời gian thực hiện Chương trình”.

Trên cơ sở kết quả rà soát, nghiên cứu (*cụ thể xin xem Phụ lục II*), Chính phủ đề xuất xây dựng dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) và dự kiến đề nghị bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, trình

Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023) và thông qua tại kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023).

d) Luật Thuế giá trị gia tăng

Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009, đã được sửa đổi bổ sung 03 lần (Luật số 31/2013/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và Luật số 106/2016/QH14). Trong thời gian qua, Luật đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt kinh tế - xã hội và đã đạt được mục tiêu đề ra. Bám sát mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và tài chính - ngân sách giai đoạn 2011-2020, Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 về cơ bản đã đạt được mục tiêu đề ra khi ban hành cũng như các lần sửa đổi, bổ sung, theo đó, việc cải cách chính sách thuế giá trị gia tăng cơ bản đã đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; tháo gỡ khó khăn, khuyến khích doanh nghiệp, cá nhân và tổ chức khác đầu tư, sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững; đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế, ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước. Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế, do sự biến động nhanh của kinh tế - chính trị thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, qua triển khai thực hiện chính sách thuế giá trị gia tăng cũng đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, có điểm chưa phù hợp với thông lệ quốc tế, chưa phù hợp với nguyên tắc của thuế giá trị gia tăng; một số quy định còn phức tạp chưa thuận lợi khi thực hiện gây vướng mắc cho cả cơ quan thuế lẫn người nộp thuế, chưa có những quy định để xác định đúng cơ chế thu đối với một số loại hàng hóa phát sinh theo sự phát triển của kinh tế thị trường. Những bất cập này cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp để kịp thời tháo gỡ khó khăn theo nguyên tắc tạo thuận lợi hơn nữa cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính minh bạch và đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Qua kết quả rà soát, nghiên cứu (*cụ thể xin xem Phụ lục II*), Chính phủ nhận thấy cần sửa đổi, hoàn thiện Luật Thuế giá trị gia tăng nhằm tạo chính sách đơn giản, minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế; mở rộng cơ sở thuế theo chủ trương của Đảng về cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; chủ trương chuyển đối tượng không chịu thuế sang đối tượng chịu thuế suất 5% hoặc 10%; chuyển đối tượng chịu thuế suất 5% sang đối tượng chịu thuế suất 10% và đặc biệt là đề xuất tăng thuế suất.

Chính phủ đề xuất xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) và dự kiến đề nghị bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, gộp sang Chương trình năm 2024, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023) và thông qua tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024).

đ) Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành được Quốc hội khóa XII tại kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 3/6/2008, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2009 (thay thế cho Luật thuế TNDN năm 2003). Trong những năm gần đây, để khắc phục những bất cập phát sinh trong thực tiễn, Quốc hội đã ban hành các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN ngày 19/6/2013 (áp dụng từ ngày 01/01/2014); Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế (trong đó có Luật thuế TNDN và áp dụng từ ngày 01/01/2015) và Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (áp dụng từ ngày 01/01/2021). Qua quá trình triển khai thực hiện, Luật Thuế TNDN đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt kinh tế - xã hội của đất nước và đạt được mục tiêu đề ra khi ban hành Luật. Tuy nhiên, trong tiến trình phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế những năm gần đây và do sự biến động nhanh của kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, đã phát sinh một số điểm hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu để rà soát, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn, tháo gỡ vướng mắc và tạo thuận lợi hơn nữa cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính minh bạch, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Kết quả rà soát, nghiên cứu (*cụ thể xin xem Phụ lục II*) cho thấy, Luật thuế TNDN hiện hành có nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp thực tế, tạo thuận lợi, đơn giản cho người nộp thuế, nhưng cũng cần mở rộng cơ sở thu, thu hẹp chính sách ưu đãi thuế, hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong các sắc thuế để đảm bảo tính trung lập của thuế, đảm bảo môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, hạn chế gian lận, trốn thuế và để cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo chủ trương của Đảng về cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững cũng như Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng cộng sản Việt Nam.

Chính phủ đề xuất xây dựng Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi) và dự kiến đề nghị đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024) và thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024).

e) Luật Di sản văn hóa

Luật Di sản văn hóa được Quốc hội khóa X thông qua tại kỳ họp thứ 9, ngày 29/6/2001, có hiệu lực từ ngày 01/01/2002 và được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2009. Luật Di sản văn hóa đã tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, bảo đảm giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển trong thời kỳ công nghiệp

hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, trước những yêu cầu và đòi hỏi cấp bách từ thực tế đang diễn ra, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa đã dần bộc lộ một số hạn chế, bất cập cả về nội dung và hình thức trong từng lĩnh vực cụ thể cần phải có sự điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn; cụ thể hóa được những vấn đề còn vướng mắc, tạo hành lang pháp lý thuận lợi nhất cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc.

Trên cơ sở kết quả rà soát, nghiên cứu (*cụ thể xin xem Phụ lục II*), Chính phủ đề xuất xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) và dự kiến đề nghị bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023) và thông qua tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024).

g) Luật Việc làm

Luật Việc làm được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 16/11/2013 có hiệu lực ngày 01/01/2015. Qua 07 năm triển khai thực hiện, Luật Việc làm đã tạo hành lang pháp lý đầy đủ trong công tác hỗ trợ tạo việc làm; thông tin thị trường lao động; đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; tổ chức, hoạt động dịch vụ việc làm; bảo hiểm thất nghiệp và quản lý nhà nước về việc làm. Qua nghiên cứu, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh về việc làm, Chính phủ đề xuất sửa đổi Luật Việc làm hiện hành nhằm: tiếp tục thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về việc làm (Hiến pháp năm 2013, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về sắp xếp đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập); bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; phù hợp với các cam kết quốc tế; khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập trong thực tiễn thi hành Luật Việc làm; phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, thống nhất, có sự quản lý, kiểm soát, điều tiết của Nhà nước; hoàn thiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp hướng tới là công cụ quản trị thị trường lao động; phát triển kỹ năng nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thúc đẩy tạo việc làm theo hướng bền vững.

Trên cơ sở kết quả rà soát, nghiên cứu (*cụ thể xin xem Phụ lục II*), Chính phủ đề xuất xây dựng Luật Việc làm (sửa đổi) và dự kiến đề nghị đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp 7 (tháng 5/2024) và thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024).

h) Luật Khoa học và Công nghệ

Luật Khoa học và Công nghệ được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 5, ngày 18/6/2013, có hiệu lực từ ngày 01/01/2014 thay thế Luật Khoa học và Công nghệ năm 2000. Luật Khoa học và Công nghệ đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động nghiên cứu, quản lý và phát triển khoa học và công nghệ, nhiều nội dung mang tính đột phá đã tạo bước phát triển mới cho hoạt động Khoa học và Công nghệ, đáp ứng yêu cầu của hoạt động quản lý và sự phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh những kết quả đạt được, các quy định của Luật Khoa học và Công nghệ; thực tiễn hoạt động khoa học và công nghệ nói chung đang đứng trước nhiều thách thức do vẫn còn một số tồn tại, hạn chế nhất định.

Chính phủ nhận thấy, trong thời gian tới cần tiếp tục thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng về khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo để phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng bộ với các quy định pháp luật liên quan, tháo gỡ các nút thắt, rào cản, tạo thuận lợi tốt nhất cho phát triển Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo là việc cần thiết.

Trên cơ sở kết quả rà soát, nghiên cứu (*cụ thể xin xem Phụ lục II*), Chính phủ đề xuất xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoa học và công nghệ và dự kiến đề nghị đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025) và thông qua tại Kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025).

i) Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật được Quốc hội Khóa XI thông qua ngày 29/6/2006 tại kỳ họp thứ 9, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2007, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019.

Trên cơ sở kết quả rà soát, Chính phủ nhận thấy, về cơ bản, hệ thống các văn bản pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật hiện nay đã tương đối đầy đủ và đồng bộ, tạo nên khung pháp lý cần thiết cho việc triển khai hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm sự thống nhất trong áp dụng pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, góp phần tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh. Tuy nhiên, chính phủ nhận thấy cần sửa đổi, bổ sung Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật để thực hiện các nội dung: (i) Thúc đẩy hội nhập quốc tế, tăng cường thực thi các

Hiệp định FTA thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP...) về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật nhằm giảm thiểu các rào cản kỹ thuật, cải tiến năng suất chất lượng, hỗ trợ hàng xuất khẩu, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, tiến dần tới hòa nhập hoàn toàn vào thị trường thế giới; (ii) Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia là cơ sở cho xác định các mục tiêu, định hướng phát triển trung, dài hạn của hệ thống tiêu chuẩn, làm nền tảng cho việc hoạch định các cơ chế, chính sách, pháp luật về tiêu chuẩn hóa của nước ta trong các giai đoạn tiếp theo; (iii) Tiếp tục hoàn thiện các chính sách, pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống; khắc phục các hạn chế, bất cập trong công tác xây dựng chính sách, pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Trên cơ sở kết quả rà soát, nghiên cứu (*cụ thể xin xem Phụ lục II*), Chính phủ đề xuất xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, dự kiến đề nghị đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024; trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024) và trình thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024).

k) Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được Quốc hội Khóa XII đã thông qua ngày 21/11/2007 tại Kỳ họp thứ 2, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2008 và được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019. Qua rà soát, cho thấy, về cơ bản hệ thống các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đã hoàn thiện, góp phần thể chế hóa kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển hoạt động chất lượng, quản lý nhà nước về chất lượng phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Bên cạnh những kết quả đạt được, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa cũng bộc lộ một số những tồn tại, hạn chế nhất định như quy định về: (i) Khái niệm Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI); (ii) Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 và hoạt động kiểm tra chuyên ngành; (iii) Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa ứng dụng mã số, mã vạch; (iv) Hoạt động đánh giá sự phù hợp; (v) Kiểm soát viên chất lượng Về thực hiện các cam kết trong Hiệp định CPTPP, EVFTA, RCEP,...

Trên cơ sở kết quả rà soát, nghiên cứu (*cụ thể xin xem Phụ lục II*), Chính phủ đề xuất xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dự kiến đề nghị đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2025, trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025); và thông qua tại kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025).

l) Luật Năng lượng nguyên tử

Luật Năng lượng nguyên tử (số 18/2008/QH-12) được Quốc hội Khóa XII thông qua ngày 03/6/2008 tại kỳ họp thứ 3, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009. Năm 2010, yêu cầu sửa đổi, bổ sung Luật Năng lượng nguyên tử đã được đặt ra và dự án Luật đã được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội khóa XIII (Nghị quyết số 20/2011/QH13 ngày 26/11/2011). Tuy nhiên, sau đó dự án Luật này lại được đưa ra khỏi Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội đồng thời với việc dừng triển khai dự án nhà máy điện hạt nhân ở Ninh Thuận. Năm 2017, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018), trong đó sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử liên quan đến quy hoạch (Điều 15). Sau hơn 13 năm triển khai thực hiện, Luật Năng lượng nguyên tử về cơ bản đã quy định đầy đủ, bảo đảm tính khả thi trong việc quản lý các hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử và các yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh bức xạ, hạt nhân. Bên cạnh đó, Luật Năng lượng nguyên tử đã bộc lộ bất cập về yêu cầu quản lý; phát sinh sự chồng chéo trong chức năng quản lý của một số bộ, ngành; thiếu tính khả thi, chưa phù hợp tình hình mới, gây khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện.

Trên cơ sở kết quả rà soát, nghiên cứu (*cụ thể xin xem Phụ lục II*), Chính phủ đề xuất xây dựng Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi) và dự kiến đề nghị đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2026, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 11 (tháng 5/2026); thông qua tại Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XVI (tháng 10/2026).

m) Luật Hóa chất

Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 được Quốc hội khóa XII, thông qua ngày 21/11/2007 tại kỳ họp thứ 2, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2008, được sửa đổi, bổ sung một lần theo Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch. Tuy nhiên, việc sửa đổi này chỉ bao gồm bãi bỏ các nội dung liên quan đến quy hoạch ngành hóa chất để phù hợp với Luật quy hoạch, không thay đổi đối tượng, phạm vi hay các chính sách quản lý hóa chất của Luật. Như vậy, Luật Hóa chất đã có 14 năm thi hành, nhìn chung Luật Hóa chất đã thể chế hóa các chủ chương, chính sách của Đảng và Nhà nước, với các chế định được thiết kế khá phù hợp với hoàn cảnh và các điều kiện kinh tế cụ thể của ngành hóa chất Việt Nam và xu hướng phát triển chung của quản lý hóa chất trên thế giới.

Tuy nhiên, cần tiếp tục hoàn thiện Luật Hóa chất nhằm đẩy mạnh phát triển công nghiệp hóa chất phù hợp với chủ trương của Đảng về phát triển các

“ngành công nghiệp nền tảng”, “phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”, “quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”. Từ đó, tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng với công tác quản lý hóa chất và ngành công nghiệp hóa chất. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với sự phát triển của ngành công nghiệp hóa chất, quản lý hóa chất, giảm thiểu rủi ro của các hoạt động hóa chất tới sức khỏe người dân, môi trường và tài sản xã hội.

Trên cơ sở kết quả rà soát, nghiên cứu (*cụ thể xin xem Phụ lục II*), Chính phủ đề xuất xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hóa chất và dự kiến đề nghị đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2024; trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024) và thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025).

1.2. Có 04/16 dự án chưa đề nghị sửa đổi, bổ sung

a) Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự

Ngày 26/11/2015, Quốc hội đã thông qua Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018. Luật đã thể chế hóa chủ trương, quan điểm chỉ đạo của Đảng về cải cách tư pháp, đặc biệt là quan điểm về đổi mới tổ chức và hoạt động điều tra hình sự trong Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp (Nghị quyết số 49-NQ/TW) và Kết luận số 92-KL/TW ngày 13/4/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân. Theo đó, đã quy định cụ thể về tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; nhiệm vụ, quyền hạn của Điều tra viên và các chức danh khác trong hoạt động điều tra hình sự; quan hệ phân công, phối hợp và kiểm soát trong hoạt động điều tra hình sự; đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ giữa tố tụng và hoạt động nghiệp vụ trinh sát; bảo đảm điều kiện cho hoạt động điều tra hình sự và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; xác định rõ nội dung, cơ quan quản lý nhà nước về công tác điều tra hình sự. Về cơ bản, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 đã góp phần tạo nhiều chuyển biến rõ nét góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm.

Thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15, Chính phủ đã giao Bộ Công an thực hiện việc nghiên cứu, rà soát dự án Luật. Bộ Công an đã hoàn thành việc tổng kết thi hành Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015

trong toàn lực lượng Công an nhân dân. Tuy nhiên, việc sửa đổi Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự phải trên cơ sở sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự và Bộ luật Hình sự, mà theo Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV thì thời gian hoàn thành nghiên cứu, rà soát Bộ luật Tố tụng hình sự (lần 2) là trước ngày 31/12/2024. Do đó, hiện nay, Chính phủ chưa đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự, việc đề xuất sửa sẽ phụ thuộc vào tiến độ và thời hạn trình Bộ luật Tố tụng hình sự và Bộ luật Hình sự.

b) Luật Giáo dục đại học

Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 18/6/2012 và được sửa đổi, bổ sung 04 lần tại: Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014 của Quốc hội; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

Luật Giáo dục đại học (GDDH) đã thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về mở rộng quyền tự chủ đại học, tạo cơ sở pháp lý cho các cơ sở GDDH phát huy năng lực trong việc sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển, nâng cao chất lượng GDDH, bảo đảm sự hội nhập quốc tế, đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Cơ chế, chính sách để các cơ sở GDDH thực hiện tự chủ đã được quy định theo hướng phân cấp, phân quyền rõ ràng giữa cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở GDDH; các cơ sở GDDH thực hiện quyền tự chủ về chuyên môn, học thuật, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và tài sản. Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan quản lý nhà nước về GDDH, tập trung xây dựng các chuẩn chất lượng, cơ chế, chính sách, hướng dẫn, tổ chức thực hiện; thúc đẩy cạnh tranh nâng cao chất lượng và thông qua việc thanh tra, kiểm tra cùng với sự giám sát của xã hội để quản lý, phát hiện những cơ sở GDDH vi phạm và áp dụng chế tài xử phạt theo đúng luật định, công khai kết quả xử lý vi phạm để toàn xã hội cùng giám sát. Luật GDDH điều chỉnh về các vấn đề có liên quan đến tự chủ đại học đối với tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản trong khi các quy định pháp luật liên quan đối với các các lĩnh vực này áp dụng cho các cơ sở GDDH công lập (như là một đơn vị sự nghiệp công lập) chưa được sửa đổi đồng bộ nên gây ra nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, làm giảm hiệu quả của việc thực hiện quyền tự chủ của cơ sở GDDH theo quy định của Luật GDDH.

Kết quả rà soát cho thấy trong số 19 vấn đề liên quan quy định và triển khai Luật GDDH có những mâu thuẫn, chông chéo với các luật khác, những quy định chưa phù hợp với thực tiễn, hoặc khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện thì có 9 vấn đề cần phải sửa đổi, bổ sung Luật GDDH; các vấn đề còn lại cần sửa ở các luật khác hoặc có thể giải quyết trong các nghị định có liên quan (xin xem phụ lục kèm theo).

Do đó, Chính phủ đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Luật GDDH hoặc Luật GDDH (sửa đổi) thực hiện trong giai đoạn 2026-2031. Trong giai đoạn 2022-2025, Chính phủ giao Bộ Giáo dục và đào tạo tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành các văn bản liên quan đến thực hiện cơ chế tự chủ của các cơ sở GDDH công lập nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả tổ chức thi hành luật.

c) Luật Bưu chính

Luật Bưu chính được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2010, để chuẩn bị cho việc triển khai thực thi Luật được thuận lợi, Chính phủ đã ban hành các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Bưu chính và Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành các Thông tư hướng dẫn chi tiết các điều, khoản thực hiện Luật và Nghị định. Theo đó, hệ thống văn bản pháp luật về bưu chính đã được ban hành tương đối đồng bộ, kịp thời, đầy đủ và bảo đảm đúng quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Qua rà soát, Luật Bưu chính phù hợp với tình hình phát triển của đất nước, thực tế xã hội Việt Nam hiện nay; là sở cứ pháp lý để huy động các nguồn lực trong nước, thu hút nguồn lực nước ngoài và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia kinh doanh dịch vụ bưu chính trong môi trường cạnh tranh công bằng và minh bạch.

Mặc dù Luật Bưu chính được ban hành từ năm 2010 có một số nội dung chưa đồng bộ với quy định Luật chung (Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư mới ban hành năm 2020) như: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và một số quy định quản lý chưa theo kịp thực tế cuộc sống (kinh tế phát triển, các doanh nghiệp tham gia đầu tư, kinh doanh dịch vụ bưu chính ngày càng nhiều, dịch vụ ngày càng đa dạng, phương thức kinh doanh ngày càng phong phú...), nhưng về cơ bản, Luật Bưu chính vẫn phù hợp với thông lệ quốc tế và đáp ứng yêu cầu quản lý lĩnh vực bưu chính. Một số nội dung bất cập, mới phát sinh đã được kịp thời xử lý tại Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.

Do vậy, Chính phủ nhận thấy việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Báo chí giai đoạn hiện nay là chưa cần thiết. Một số nội dung chưa phù hợp về mặt kỹ thuật nên được sửa ghép với các luật khác theo phương án một luật sửa nhiều luật để tiết kiệm nguồn lực cho cơ quan nhà nước và cho xã hội.

d) Luật Báo chí

Luật Báo chí được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 05/4/2016 tại Kỳ họp thứ 11, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017. Triển khai hướng dẫn thi hành Luật, Chính phủ đã giao Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Đến nay, các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí được ban hành đầy đủ với 02 Nghị định và 04 Thông tư (03 Thông tư của Bộ Thông tin và Truyền thông, 01 Thông tư của Bộ Tài chính).

Các quy định của Luật Báo chí là phù hợp với tình hình đất nước, thực tế xã hội Việt Nam, tạo hành lang pháp lý cần thiết để xây dựng nền báo chí lành mạnh, tích cực, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế. Luật Báo chí đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan báo chí, các nhà báo, các cơ quan, tổ chức liên quan tuân thủ pháp luật, hoạt động trong môi trường kỷ cương; nâng cao vị thế và trách nhiệm xã hội, trách nhiệm công dân của người làm báo.

Các quy định của Luật Báo chí phù hợp với Hiến pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật về báo chí và pháp luật liên quan; cơ bản điều chỉnh đầy đủ các mối quan hệ trong lĩnh vực báo chí, tác động tích cực đến hoạt động báo chí, công tác quản lý nhà nước về báo chí và mọi mặt của đời sống xã hội; quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận trên báo chí được bảo đảm.

Trên cơ sở rà soát 128 văn bản, bao gồm 41 bộ luật, luật, 58 nghị định, 27 Thông tư, 02 Thông tư liên tịch và các văn bản quy phạm pháp luật khác, Luật Báo chí không có nội dung quy định mâu thuẫn, chồng chéo; có 27 nội dung, nhóm nội dung có quy định bất cập, không phù hợp thực tiễn.

Tuy nhiên, trải qua hơn 05 năm triển khai thi hành, một số quy định của Luật Báo chí đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu trong thực tiễn của lĩnh vực báo chí dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện. Sự phát triển vượt bậc, nhanh chóng của khoa học, công nghệ, truyền thông hiện đại dẫn đến những yêu cầu, đòi hỏi cao hơn trong lĩnh vực báo chí, cần phải hoàn thiện quy định pháp luật để điều chỉnh, quản lý kịp thời, phù hợp.

Chính phủ nhận thấy, việc sửa đổi, bổ sung Luật Báo chí là việc làm cần thiết nhằm giải quyết, khắc phục triệt để những tồn tại, vướng mắc, bất cập hiện nay, tuy nhiên để đảm bảo chất lượng, rà soát kỹ càng và đề xuất sửa đổi đảm bảo chất lượng, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu thực tiễn, Chính phủ giao Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp tục nghiên cứu kỹ sự cần thiết và phạm vi sửa đổi Luật Báo chí về các vấn đề vướng mắc trong quản lý báo chí để trình Chính phủ, báo cáo, trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội vào thời điểm thích hợp.

2. Kết quả thực hiện việc nghiên cứu, xây dựng mới các luật, pháp lệnh

Đối với việc nghiên cứu, xây dựng mới luật, pháp lệnh, nghị quyết, Chính phủ được giao nghiên cứu, đề xuất ban hành mới 04 dự án. Đến nay, có 02 dự án luật đã được Chính phủ chỉ đạo các bộ hoàn thành việc nghiên cứu và lập đề nghị xây dựng (Luật Phát triển công nghiệp; Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở); 02 dự án đang được các bộ nghiên cứu, sau khi hoàn thành sẽ xác định việc đề xuất xây dựng (Luật điều chỉnh về nhà giáo; Luật điều chỉnh về chuyên đổi giới tính). Cụ thể như sau:

2.1. Luật Phát triển công nghiệp

Ngày 14/4/2022, Chính phủ có Tờ trình số 124/TTr-CP đề nghị đưa dự án Luật Phát triển công nghiệp vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 5, thông qua tại Kỳ họp thứ 6.

Ngày 12/5/2022, Tổng Thư ký Quốc hội có văn bản số 974/TTKQH-PL thông báo ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với đề nghị xây dựng dự án Luật Phát triển công nghiệp, theo đó đề nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan khẩn trương nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, đánh giá tác động đầy đủ, kỹ lưỡng, làm rõ các vấn đề được nêu trong báo cáo thẩm tra của các cơ quan của Quốc hội, nhất là về phạm vi điều chỉnh và nội dung các chính sách của dự án Luật, tránh chồng chéo, trùng lặp hoặc mâu thuẫn với các luật hiện hành có điều chỉnh về phát triển công nghiệp trong các lĩnh vực cụ thể để hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, sớm trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định việc bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023.

Thực hiện yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hiện nay Chính phủ đang giao Bộ Công Thương tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, bổ sung dự án Luật vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023.

2.2. Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Tại Kỳ họp thứ 10, thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh⁽⁵⁾, Chính phủ đã trình Quốc hội khóa XIV cho ý kiến đối với dự án Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Tại Văn bản số 4152/TTKQH-QPAN ngày 02/12/2020 của Tổng Thư ký Quốc hội, Quốc hội đề nghị Chính phủ nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các đại biểu Quốc hội về dự án Luật này, báo cáo lại Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Thực hiện văn bản nêu trên, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công an chủ trì, phối hợp nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện các dự án Luật theo ý kiến của các đại biểu Quốc hội.

Ngày 18/3/2022, Bộ trưởng Bộ Công an thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình số 80/TTr-CP trình Quốc hội dự án Luật lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở để cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV. Ngày 24/3/2022, Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình số 96/TTr-CP đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung dự án Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022. Ngày 15/4/2022, Chính phủ đã có Báo cáo số 131/BC-CP báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp thu, giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIV về dự án Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Thực hiện Thông báo số 4181/TTKQH-PL ngày 08/4/2021 của Tổng Thư ký Quốc hội về việc đề nghị bổ sung hồ sơ các dự án Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, Chính phủ đã giao Bộ Công an tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ lập đề nghị xây dựng dự án Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trình Chính phủ xem xét trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung vào Chương trình. Ban cán sự Đảng Chính phủ đã có Tờ trình số 737-TTr/BCSDCP ngày 16/4/2022 báo cáo Bộ Chính trị về những nội dung lớn của dự án Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở.

Ngay sau khi có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền đối với nội dung, định hướng dự án Luật, Chính phủ giao Bộ Công an tiếp tục hoàn thiện hồ sơ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để trình Quốc hội khóa XV xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 4 (tháng 10/2022) và xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023).

⁽⁵⁾ Nghị quyết số 106/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021, điều chỉnh Chương trình năm 2020 và Nghị quyết số 1033/2020/UBTVQH14 ngày 16/10/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020.

2.3. Luật điều chỉnh về nhà giáo

Nhằm Nâng cao nhận thức xã hội, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo. Hoàn thiện hệ thống pháp luật điều chỉnh các quan hệ cơ bản về nhà giáo với giá trị pháp lý cao, tương đối ổn định, phù hợp phát triển giáo dục, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về giáo dục nói riêng, hệ thống pháp luật Việt Nam trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền nói chung. Xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tạo bình đẳng giữa nhà giáo khu vực công lập và ngoài công lập; phát triển nhà giáo thực hiện giáo dục đặc biệt; tạo cơ chế thu hút nhà giáo nước ngoài tham gia các hoạt động giáo dục tại Việt Nam, nhà giáo người Việt Nam ở nước ngoài có cơ hội tham gia, đóng góp đối với các hoạt động giáo dục tại Việt Nam; tạo điều kiện cho nhà giáo Việt Nam ra nước ngoài, góp phần nâng cao vị thế cạnh tranh của nhà giáo trong quá trình hội nhập quốc tế.

Chính phủ đề xuất xây dựng: Luật Nhà giáo với định hướng cụ thể như sau: (i) Thể chế hóa các quan điểm của Đảng và Nhà nước về nhà giáo, nhất là quan điểm “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu”, nhà giáo giữ vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục; (ii) Luật Nhà giáo là văn bản luật điều chỉnh toàn bộ các vấn đề cơ bản liên quan đến việc xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo trên cơ sở tổng kết thực tiễn và học tập kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật về nhà giáo; (iii) Luật Nhà giáo vừa là sự kế thừa, hoàn thiện các quy định về nhà giáo trong Luật Giáo dục, vừa bổ sung, pháp điển hoá các quy định của pháp luật hiện hành về nhà giáo còn phù hợp với thực tế và đã có tác động tích cực đối với sự phát triển của đội ngũ nhà giáo; đồng thời chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung những quy định đã phát sinh hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực giáo dục; (iv) Luật Nhà giáo quy định một số chính sách mới để thu hút, phát triển đội ngũ Nhà giáo để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực quan trọng và đặc thù của giáo viên, trong bối cảnh phát triển của khoa học công nghệ, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế để thực hiện một trong ba đột phá chiến lược là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao - những công dân toàn cầu, phát triển kinh tế xã hội của đất nước; (v) Luật Nhà giáo cần được xây dựng theo hướng cụ thể, chi tiết, hạn chế tối đa việc phải ban hành các văn bản hướng dẫn để Luật có thể nhanh chóng, dễ dàng đi vào cuộc sống.

Từ kết quả nghiên cứu (*xin xem cụ thể tại Phụ lục II*), Chính phủ dự kiến

đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024; trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024) và thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024).

2.4. Luật điều chỉnh về chuyển đổi giới tính

Qua kết quả nghiên cứu, rà soát cho thấy, hiện nay ngoài việc ghi nhận chung về việc chuyển đổi giới tính tại Điều 37 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chưa có hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ về vấn đề chuyển đổi giới tính. Bởi vậy, chưa có cơ sở pháp lý để điều chỉnh bổ sung quy định liên quan đến người chuyển đổi giới tính nhằm bảo đảm quyền lợi cho đối tượng này. Vì vậy, người có mong muốn chuyển đổi giới tính tại Việt Nam vẫn chưa có cơ sở pháp lý để thực thi quyền chuyển đổi giới tính và hiện họ đang gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc tiếp cận dịch vụ can thiệp y học để chuyển đổi giới tính, thay đổi thông tin hộ tịch và những khó khăn trong học tập, lao động, sinh hoạt.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy, về cơ sở pháp lý và yêu cầu thực tiễn cần thiết sớm ban hành Luật Chuyển đổi giới tính để thể chế hoá Điều 37 Bộ luật Dân sự năm 2015, giúp cho người mong muốn chuyển đổi giới tính được thực hiện quyền chuyển đổi giới tính của họ. Dự kiến Luật Chuyển đổi giới tính quy định về các nội dung sau: quyền và nghĩa vụ của người chuyển đổi giới tính; điều kiện, hồ sơ, thủ tục đối với người đề nghị can thiệp y học để chuyển đổi giới tính; điều kiện, hồ sơ, thủ tục đối với tổ chức, cá nhân thực hiện xác định tâm lý, can thiệp y học để chuyển đổi giới tính; công nhận là người chuyển đổi giới tính để thay đổi giấy tờ hộ tịch, trong đó, đối với vấn đề về can thiệp y học để chuyển đổi giới tính và công nhận là người chuyển đổi giới tính cần được xem xét quy định trên cơ sở căn cứ vào ý chí tự nguyện, đúng người có nhu cầu, trên cơ sở suy nghĩ thấu đáo, không ảnh hưởng đến xã hội và không gây khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước. Đồng thời nên tôn trọng quyền tự quyết, tạo điều kiện cho người có nhận diện giới khác giới tính sinh học hiện có được sống đúng với giới tính mà họ mong muốn.

Từ kết quả nghiên cứu (*xin xem cụ thể tại Phụ lục II*), Chính phủ đề xuất xây dựng Luật Chuyển đổi giới tính và dự kiến đề nghị đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024) và thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 19-KL/TW để chỉ đạo thực hiện Đề án Định hướng Chương trình xây dựng luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; đồng thời Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng đã ban hành Kế hoạch số

81/KH-UBTVQH15, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2114/QĐ-TTg để tổ chức thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Thủ tướng Chính phủ đã quyết liệt chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ kịp thời xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện; nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi, xây dựng các dự án luật, pháp lệnh; đồng thời, triển khai đồng bộ các biện pháp, giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả của công tác xây dựng pháp luật. Đến nay, nhiều nhiệm vụ lập pháp đã được các cơ quan hoàn thành việc nghiên cứu, rà soát để chuyển thành các đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trong đó, có một số luật, pháp lệnh đã được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua, kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý và đòi hỏi từ thực tiễn; một số dự án luật, nghị quyết đã được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh và đang tiếp tục đề xuất đưa vào Chương trình năm 2023.

Kết quả nghiên cứu, rà soát đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức chủ động đề xuất các dự án đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; đồng thời việc thực hiện đồng bộ các giải pháp được đề ra trong Đề án đã góp phần khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác xây dựng pháp luật, đẩy nhanh việc xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế, tạo lập khung khổ pháp lý thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước mà Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra.

Đối với 32 nhiệm vụ cần rà soát, nghiên cứu để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất xây dựng mới luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội phải hoàn thành trước ngày 30/6/2022, Chính phủ đã hoàn thành 32/32 nhiệm vụ, trong đó: 13 dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết đã được Chính phủ lập đề nghị để trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; 15 dự án đang được Chính phủ giao các bộ, cơ quan nghiên cứu lập đề nghị xây dựng; 04 dự án Chính phủ chưa đề xuất xây dựng, trình Quốc hội trong giai đoạn hiện nay. Đối với các nhiệm vụ nghiên cứu, rà soát các dự án luật, nghị quyết trong các thời điểm tiếp theo sẽ được Chính phủ chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, bảo đảm chất lượng, bám sát yêu cầu tại Kết luận của Bộ Chính trị, các nhiệm vụ lập pháp được Đề án Định hướng và Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 đề ra.

Bên cạnh việc nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, rà soát được giao tại Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15, Chính phủ đã giao các bộ thường xuyên rà soát, đề xuất xây dựng các dự án luật để kiến nghị điều chỉnh, bổ sung nhằm kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại

biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Đến nay, có một số các dự án Luật đã và đang được các bộ rà soát đề đề xuất như: Luật Công chứng (sửa đổi), Luật Cảnh vệ, Luật Khoáng sản (sửa đổi),...

2. Một số tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác nghiên cứu, rà soát, lập đề nghị xây dựng các dự án luật và triển khai thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 vẫn còn một số hạn chế, bất cập như: Việc chuẩn bị một số đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh còn chưa bảo đảm yêu cầu về chất lượng; kết quả nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi một số dự án luật chưa sâu sắc hoặc chưa xác định được cụ thể định hướng sửa đổi như yêu cầu được đặt ra theo Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15.

Những hạn chế này xuất phát từ một số nguyên nhân sau: (i) trong 6 tháng đầu năm 2022, tình hình kinh tế - xã hội có sự biến động nhanh, các bộ, cơ quan tập trung nguồn lực cho công tác quản lý thuộc lĩnh vực phụ trách, tập trung nguồn lực cho việc xây dựng cơ chế, chính sách cấp thiết nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, phục hồi kinh tế do tác động của đại dịch Covid-19 nên thời gian vật chất giành cho công tác xây dựng pháp luật bị hạn chế; (ii) lãnh đạo một số cơ quan chưa thật sự quan tâm đúng mức về vai trò, tầm quan trọng của công tác xây dựng pháp luật, gắn với thi hành pháp luật, chưa dành thời gian hợp lý, cũng như bố trí nguồn lực một cách thỏa đáng cho công tác này; (iii) nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực dành cho công tác xây dựng pháp luật chưa tương xứng với tính chất, mức độ của công tác này; (iv) số lượng các dự án luật Chính phủ cần nghiên cứu, rà soát tương đối lớn trong thời gian ngắn (32 nhiệm vụ trong 6 tháng), trong đó tập trung vào một số Bộ có nhiều nhiệm vụ như: Bộ Công an 04 nhiệm vụ; Bộ Tài chính 05 nhiệm vụ; Bộ Khoa học và Công nghệ 04 nhiệm vụ;...

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

- Tiếp tục quan tâm, dành nhiều thời gian hơn nữa trong quá trình xem xét, thảo luận về các dự án luật.

- Cho ý kiến chỉ đạo đối với kết quả rà soát, các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung các dự án luật mà Chính phủ đã đề xuất, nhất là các nội dung của các dự án luật quan trọng, có ảnh hưởng, tác động lớn đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước.

- Xem xét, cho ý kiến đối với đề nghị của Chính phủ về thời gian dự kiến bổ sung vào Chương trình và đề xuất đưa vào Chương trình đối với các dự án luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới như đã báo cáo ở trên.

- Trường hợp cần thiết, xem xét đề xuất của Chính phủ về việc bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh các dự án luật không nằm trong Đề án để đáp ứng nhu cầu, đòi hỏi thực tiễn.

2. Các cơ quan của Quốc hội

- Đề nghị các Ủy ban của Quốc hội tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan ngang bộ ngay từ khâu nghiên cứu, rà soát các dự án luật, pháp lệnh, cử người tham gia Ban soạn thảo để thống nhất phương án đề xuất ngay từ đầu.

- Tăng cường, nâng cao chất lượng thẩm tra để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

3. Đối với các cơ quan khác

- Văn phòng Chủ tịch nước: phối hợp chặt chẽ với Chính phủ trong việc rà soát, nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Hiến định của Chủ tịch nước.

- Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Chủ động, phối hợp chặt chẽ với Chính phủ, thường xuyên cung cấp thông tin liên quan đến công tác nghiên cứu, rà soát các dự án luật để đảm bảo chất lượng, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Trên đây là báo cáo Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Chính phủ xin báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Vụ: TH, QHĐP;
- Lưu: VT, PL(3b).

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

(đã ký)

Lê Thành Long